

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HSST
Ngày: 05-9-2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **Giáp Trà Giang**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Trường Sơn**

2. Ông **Lâm Hoàng Việt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hồng Nhả** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh Tham gia phiên tòa:
Ông **Lôi Vĩnh Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2017/HSST, ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; Trú tại: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Có vợ đã ly hôn tên Nguyễn Thị L và 01 người con sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:*

1/ Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã II, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi tạm trú: Khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông **Phạm Văn Giáp**, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã II, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Nơi tạm trú: Khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi tạm trú: Khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/4/2017, sau khi uống rượu, Nguyễn Văn T đến nhà trọ TT ở Khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với mục đích đón con gái tên Nguyễn Thị Minh N đi mua sắm và ăn uống. Tuy nhiên khi đến nhà trọ, Nguyễn Văn T bị chị Nguyễn Thị L là mẹ của cháu N không đồng ý cho T chở cháu N đi vì lý do T đã say rượu. Từ đó giữa Nguyễn Văn T và chị L xảy ra cự cãi. Lúc này anh Nguyễn Văn P là chồng sau của chị L đi làm về thấy Nguyễn Văn T chửi bới lớn tiếng nên anh P cự cãi với Nguyễn Văn T, sợ hai bên xảy ra xô sát nên chị L gọi anh Phạm Văn G ở phòng trọ kế bên sang can ngăn, khi anh G sang thì anh G cùng với anh P đẩy T ra ngoài, T bị vấp vào tấm ván chặn cửa và bị ngã xuống đất trước cửa phòng trọ số 4. Sau đó, Nguyễn Văn T liền đứng dậy đi ra xe rồi quay lại dùng cây dao dài khoảng 20cm mang theo trong người đâm nhiều nhát vào người anh P, lúc này anh G dùng tay ôm hông Nguyễn Văn T để ngăn cản T đâm anh P nên bị T quay sang đâm nhiều nhát vào người của anh G. Xong Nguyễn Văn T bỏ đi và vứt con dao xuống sông Long Bình. Riêng anh P và anh G bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 73/TgT ngày 13/6/2017 thể hiện:

Cơ thể anh P có những thương tích sau:

- 01 sẹo hông sườn ngực trái kích thước 1,5cm x 0,1cm
- 03 sẹo mỗ vùng liên sườn 5 - 6 bên trái: Đường rạch trước kích thước 02cm x 0,5cm; dưới rạch kích thước 02cm x 0,1cm; rạch sau kích thước 0,2cm x 0,1cm.
- 01 sẹo vùng mô bàn tay trái, kích thước 01cm x 0,1cm.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 07%.

Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, nhọn.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TgT ngày 13/6/2017 thể hiện:

Cơ thể anh G có những thương tích sau:

- 02 sẹo hông lưng trái kích thước 02cm x 0,2cm và 01cm x 0,2cm
- 01 sẹo khuỷu trái kích thước 1,5cm x 0,6cm
- 01 sẹo mặt trong cánh tay trái kích thước 1,5cm x 0,2cm

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 03%.

Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, nhọn.

Về vật chứng: Nguyễn Văn T khai sử dụng cây dao thái lan cán bằng gỗ, phần cán dài 10cm, phần lưỡi dài 10cm, mũi nhọn để gây thương tích cho anh P và anh G, sau khi gây thương tích đã ném bỏ dao xuống sông Long Bình tại khu vực Cầu Long Bình 3, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khai nhận: “ Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 23/4/2017, bị cáo đến nhà trọ Trương Ty với ý định chở con gái đi ăn và mua sắm, nhưng lại bị chị L ngăn cản không, bị cáo tức giận nên đã chửi chị L và xảy ra cự cãi với P, do bị cáo bị anh P và anh xô đẩy bị ngã nên bị cáo tức giận dùng dao thái lan dài khoảng 20cm, phần cán bằng gỗ dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 10cm, mũi nhọn đâm nhiều nhát vào người anh P, tiếp đó do bị anh G ngăn cản nên bị cáo quay sang đâm nhiều nhát vào người anh G. Xong bị cáo bỏ đi và vứt bỏ dao xuống sông Long Bình”.

Tại bản cáo trạng số: 59/VKS – HS, ngày 07/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 12 đến 18 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo không đồng ý kết luận của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tình tiết định khung “phạm tội có tính chất côn đồ” tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự, vì bị cáo cho rằng người bị hại có lỗi đã xô đẩy bị cáo té ngã từ đó bị cáo mới dùng dao gây thương tích cho người bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với những dấu vết thương tích trên cơ thể người bị hại như bản kết luận giám định pháp y thương tích đã thể hiện.

Xét thấy: Chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng có, do có sự cựa cãi và xô đẩy qua lại giữa bị cáo với người bị hại Nguyễn Mạnh Phương, sự việc mâu thuẫn này xuất phát từ bản thân bị cáo đã uống rượu say và có lời lẽ to tiếng tại nơi ở của người bị hại trước, người bị hại P và G chưa có hành động hay lời lẽ gì quá mức đối với bị cáo, nhưng bị cáo đã dùng dao thái lan cán bằng gỗ, phần cán dài 10cm, phần lưỡi dài 10cm, mũi nhọn đâm vào cơ thể người bị hại P gây thương tích 7% và đâm người bị hại G gây thương tích 3%. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh quy kết hành vi của bị cáo là hành vi “mang tính chất côn đồ” và “sử dụng hung khí nguy hiểm” để truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bản thân bị cáo là một đảng viên, là người có trình độ học vấn cao, lẽ ra bị cáo phải có cách cư xử đúng mực nhưng ngược lại bị cáo lại có lỗi hành xử côn đồ, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác, xem thường quy định của pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị cáo có quanh co không thống nhất với bản cáo trạng truy tố về tình tiết định khung tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự và bị cáo không thừa nhận đâm người bị hại nhiều dao nhưng là do bị cáo không nhớ rõ hết nội dung sự việc và chưa hiểu rõ quy định của pháp luật, tuy nhiên từ giai đoạn điều tra bị cáo đều thừa nhận thương tích của người bị hại P và G là do bị cáo gây ra, tại phiên tòa bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị truy tố ở khung hình phạt ít nghiêm trọng, gia đình có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại P yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị là 3.518.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị là 38 ngày, mỗi ngày 190.000 đồng = 7.220.000 đồng, tổng cộng là 10.738.000 đồng; người bị hại G yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị là 570.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị là 10 ngày, mỗi ngày 152.000 đồng = 1.520.000 đồng, tổng cộng là 2.090.000 đồng; Xét thấy yêu cầu này của người bị hại P và G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2017

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường người bị hại Nguyễn Văn P 10.738.000 đồng và bồi thường cho người bị hại Phạm Văn G 2.090.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 641.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP. Trà Vinh;
- Công an TP. Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Điều tra viên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang